

Bản án số: 180/2025/HCST

Ngày: 29/4/2025

*V/v: Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phương Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lục Thanh Thủy**

Ông **Lê Gia Anh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng An** - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Vũ Ngọc Trang và bà Nguyễn Thị Kim Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 437/2017/TLST- C ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 437/2025/QĐXXST -HC ngày 14/4/2025, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số G ngõ E ngách C tổ H phường Đ, B, Hà Nội. Số điện thoại: 01655*****; Đã chết năm 2023. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

- Bà **Bùi Thị Thanh H**, sinh năm 1968; Nơi thường trú: C, Quảng Ninh. Người nhận văn bản tố tụng thay: Bà **Bùi Thị Thanh T1**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số nhà B đường T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 09153****. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Bùi Thị Thanh T1**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số nhà B đường T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 09153****. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Bùi Văn T2**, sinh năm 1972; Nơi thường trú: C, quận B, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0945.*****. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1973; Nơi thường trú: C, quận B, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0985.*****. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông **Bùi Đức T3**, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 001093*****; Nơi thường trú: số G ngõ C, C, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0988.*****. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội; Địa chỉ trụ sở: Lô C, khu liên cơ quan, phường M, quận B, thành phố Hà Nội.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; Địa chỉ: Số G Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Tân Thị T4, sinh năm 1996; Căn cước công dân số 030196*****; Nơi thường trú: số G ngõ C, C, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0392.*****. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Công ty cổ phần X; Địa chỉ trụ sở: Tầng B Tòa B, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3.3. Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tổ dân phố Số B, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện là ông *Bùi Văn T* trình bày:

Trong phạm vi thu hồi đất giải phóng mặt bằng dự án trên địa bàn phường Đ, quận B còn tồn tại 03 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng 114,1m² đất (gồm: ông Bùi Văn T đang sử dụng 38.5m², ông Phan Hoàng A sử dụng 40.5m² và ông Trần Văn C sử dụng 35.1m²). Diện tích đất của ông Phan Hoàng A, ông Trần Văn C, và ông Bùi Văn T đã có quyết định thu hồi và bồi thường. Tuy nhiên việc bồi thường cho ông Bùi Văn T là chưa thỏa đáng vì vị trí của diện tích đất 38.5m² đất tại địa chỉ: Số A dãy C tập thể Khảo sát xây dựng, xóm F, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là: Tổ dân phố số H, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội) (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2008 cho ông Bùi Văn T) không có cùng vị trí với vị trí đất của ông Phan Hoàng A và ông Trần Văn C. Vị trí đất của ông Bùi Văn T là vị trí 1 (Căn cứ QĐ số 96 ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố H quy định vị trí).

Sau khi có phương án bồi thường, ông Bùi Văn T đã khiếu nại lên Ủy ban nhân dân quận B với nội dung:

Quyết định 5206 ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận B đã phê duyệt người sử dụng đất không phải là ông T mà là Công ty X;

Theo Quyết định này lại ghi là hỗ trợ cho ông Bùi Văn T là không đúng mà ông T phải được bồi thường theo giá nhà xây dựng quy định tại Quyết định số 95, ngày 25/12/2014, đồng thời không giao đất tái định cư cho con trai ông T là Bùi Đức T3 vì cháu T3 không có nhà ở, đất ở trên địa bàn phường Đ. Còn ông T có một nhà đất đứng tên ông T trên địa bàn phường Đ chứ không phải anh T3.

Sau đó ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đã ra quyết định giải quyết khiếu nại số 2952 ngày 18/7/2016 với dung: giữ nguyên quyết định 5206 ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận B.

Sau hai Quyết định này, ông T đều không đồng ý và đã khiếu nại quyết định số 2952 ngày 18/7/2016 lên Ủy ban nhân dân thành phố H.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 146 ngày 06/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đã giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Văn T trong đó đã Quyết định: Giao Ủy ban nhân dân quận B lập, thẩm định, phê duyệt (điều chỉnh bổ sung) phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Bùi Văn T.

Quyết định 146 của Ủy ban nhân dân thành phố H là sai vì:

Thẩm quyền ban hành quyết định: Việc ban hành là sai thẩm quyền vì quyết định giải quyết khiếu nại phải do Chủ tịch ban hành việc Phó chủ tịch ký quyết định không có ủy quyền là sai.

Trình tự ban hành: Trình tự vi phạm Luật khiếu nại cụ thể tại khoản 8, Điều 2, Điều 7, Điều 31, Điều 33, Điều 40 Luật Khiếu nại. Điều 22 điểm 1 khoản a TT số 07 ngày 03/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại. Theo hai văn bản này thì Quyết định giải quyết khiếu nại phải nêu được các căn cứ pháp luật bác bỏ hoặc chấp nhận các yêu cầu của người khiếu kiện. Nếu trường hợp quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu không đúng thì phải hủy chứ quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Thành phố không có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên quyết định giải quyết khiếu nại này đã có bổ sung như sau: Giao Ủy ban nhân dân quận B lập, thẩm định, phê duyệt (điều chỉnh bổ sung) phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Bùi Văn T. Việc bổ sung này là không đúng quy định pháp luật.

Căn cứ pháp luật để giải quyết thì Quyết định số 146 không nêu Trong nội dung Quyết định có nêu: Năm 1998, 159 hộ đã được lập hồ sơ đề nghị chuyển giao cho Sở tài nguyên môi trường và Sở Xây dựng quản lý và bán nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ đồng thời áp dụng trường hợp hộ ông T tương tự như 159 hộ trên và đề nghị xem xét, xử lý bồi thường hỗ trợ về đất cho ông T như các hộ mua nhà theo Nghị định 61 được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất nhưng phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính tiền sử dụng đất là không đúng vì thời điểm đó Nghị định 61 đã hết hiệu lực.

Ông Bùi Văn T không đồng ý với cả 3 Quyết định gồm: 5206 ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận B; quyết định số 2952 ngày 18/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B; Quyết định số 146 ngày 06/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bồi thường đủ 38,5 m² theo giá nhà nước quy định giá trị trường (tức là ông T yêu cầu giá thị trường)
- Giao đất tái định cư cho con trai ông T là Bùi Đức T3 và hỗ trợ việc làm vì hiện nay cháu không có việc làm.

Sau khi có quyết định số 146 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, Ủy ban nhân dân quận B đã ra phương án bồi thường bổ sung phê duyệt cho gia đình ông T số 8074 ngày 26/10/2017, quyết định này là sai vì: Ủy ban nhân dân quận B không được bổ sung phương án bồi thường bổ sung phê duyệt trái với điều Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại và ông T cũng yêu cầu hủy quyết định vì việc bổ sung là không có căn cứ.

Ông Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau đây:

1. Yêu cầu hủy Quyết định số 5206 ngày 12/11/2015 của UBND quận B; Quyết định số 2952 ngày 18/7/2016 với nội dung: giữ nguyên QĐ 5206 ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận B; QĐ 146 ngày 06/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; Quyết định số 8074 ngày 26/10/2017 của Ủy ban nhân dân quận B vì cả 04 quyết định này đều sai và chưa có ai hủy. Đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

2. Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B bồi thường đủ 38,5 m² theo giá trị trường (tức là ông T yêu cầu giá thị trường – vị trí 1)

3. Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B giao đất tái định cư cho con trai ông T là Bùi Đức T3.

4. Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B ngoài việc bồi thường đủ 38.5 m² đất theo giá trị trường thì phải bồi thường thêm 32.2 m² nhà tài sản trên đất theo đơn giá xây dựng mới (căn cứ quyết định số 95 ngày 25/12/2014 của UBND thành phố H.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của ông Bùi Văn T xác định yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính như sau:

- Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận B;

- Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 với nội dung: giữ nguyên quyết định số 5206 ngày 12/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B;

- Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

- Quyết định số 8074/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung.

[2] Quan điểm của người bị kiện:

2.1. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B có quan điểm:

Diện tích đất đang sử dụng của ông Bùi Văn T nằm trong phần diện tích Nhà nước giao cho Công ty cổ phần X - VINACONEX thuê đất hàng năm để quản lý sử dụng, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao. Việc UBND quận B không bồi thường về đất đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T là đúng quy định tại Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, hộ gia đình ông Bùi Văn T không ăn ở tại nơi giải phóng mặt bằng, không phải di chuyển chỗ ở. Ngoài ra, trên địa bàn phường Đ ông Bùi Văn T còn nhà ở, đất ở khác đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 875 theo Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 29/12/2008.

- Ngày 06/1/2017, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 146/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của ông Bùi Văn T với nội dung: Diện tích đất hộ gia đình ông T sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1 - Địa chất ra đường Phạm Văn Đ, có nguồn gốc là đất do tổ chức tự quản (Xí nghiệp X1 thuộc Công ty X, nay là Công ty cổ phần X). Khoảng năm 1983, xí nghiệp xây dựng các dãy nhà tập thể để bố trí cho cán bộ, nhân viên ở, phục vụ hoạt động của đơn vị. Năm 1998, Công ty X có quyết định thanh lý các gian nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên công ty, trong đó có hộ ông Bùi Văn T được thanh lý 28,5 m² nhà với số tiền thanh lý là 559.860 đồng; Gia đình ông Bùi Văn T đã sử dụng ổn định, không tranh chấp đến thời điểm giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Trong số các hộ gia đình được thanh lý nhà ở năm 1998, có 159 hộ gia đình đã được Công ty lập hồ sơ đề nghị chuyển giao cho Sở Tài nguyên Môi trường và Sở Xây dựng quản lý và bán nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ, còn lại 12 hộ gia đình chưa được lập hồ sơ chuyển giao với lý do diện tích nhà đất các hộ sử dụng nằm trong quy hoạch của Thành phố, trong đó có hộ, gia đình ông T có diện tích nhà đất nằm trong chỉ giới mở đường (Dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1 - Địa chất ra đường P). Để đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông T tương

tự như những trường hợp được Công ty T5, đã được chuyển giao cho cơ quan chức năng quản lý và bán nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ, khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình ông T phải được xem xét, xử lý bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Bùi Văn T như các hộ đã được mua nhà theo Nghị định 61/CP được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính tiền sử dụng đất (khi mua nhà theo Nghị định 61/CP).

Việc Ủy ban nhân dân quận B căn cứ Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố để giải quyết khiếu nại là không chính xác vì Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 24/5/2010 điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, từ đó không bồi thường về đất đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T là không đúng.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, hộ gia đình ông Bùi Văn T không ăn ở tại nơi giải phóng mặt bằng, không phải di chuyển chỗ ở. Ngoài ra, trên địa bàn phường Đ, ông Bùi Văn T còn nhà ở, đất ở khác đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 875 theo Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 29/12/2008. Do vậy, việc ông Bùi Văn T đề nghị được giao đất tái định cư là không có cơ sở.

Giao Ủy ban nhân dân quận B lập, thẩm định, phê duyệt (điều chỉnh, bổ sung) phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Bùi Văn T theo thẩm quyền và quy định.

- Ngày 27/7/2017, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 5553/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ điều chỉnh bổ sung tổng số tiền bồi thường hỗ trợ sau bổ sung là 365.690.446 đồng.

- Ngày 26/10/2017, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 8074/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Bùi Văn T, tại quyết định đã phê duyệt bồi thường về đất cho ông Bùi Văn T diện tích 28,5m² không bồi thường diện tích 10m² do công ty Cổ phần X quản lý, không bồi thường tái định cư. Quyết định này thay thế quyết định số 5553/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND quận B.

Quan điểm giải quyết: Ủy ban nhân dân quận B đã tổ chức thực hiện phê duyệt phương án bồi thường và giải quyết khiếu nại đúng quy định pháp luật. Các phương án phê duyệt bổ sung đã thực hiện theo đúng kiến nghị tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 146/QĐ-UBND ngày 06/1/2017 của UBND Thành phố H.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H có quan điểm:

Giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 146/QĐ-UBND ngày 06/1/2017

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có văn bản trình bày ý kiến:

Ủy ban nhân dân phường Đ, Công ty cổ phần X, bà Tân Thị T4: Không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

[4] Tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được công khai chứng cứ bao gồm:

4.1. Tài liệu do người khởi kiện xuất trình:

Người khởi kiện cung cấp cho Tòa án: Các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện; Giấy tờ về nhân thân, Giấy ủy quyền.

4.2. Tài liệu do Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội giao nộp cho Tòa án:

Toàn bộ hồ sơ thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, giải quyết khiếu nại.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Hồ sơ giải quyết khiếu nại.

4.3. Ủy ban nhân dân phường Đ: Không cung cấp hồ sơ.

4.5. Các đương sự khác không xuất trình tài liệu chứng cứ:

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Luật tố tụng hành chính. Hôm nay, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người khởi kiện trình bày yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy các quyết định hành chính như sau:

- Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận B;

- Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 với nội dung: giữ nguyên quyết định số 5206 ngày 12/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B;

- Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

- Quyết định số 8074/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung.

Các đương sự khác vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng Luật tố tụng hành chính kể từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án. Vụ án giải quyết quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 130 Luật Tố tụng hành chính năm 2015

Sau khi trình bày nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T (đã chết), người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông/bà: Bùi Thị Thanh H, Bùi Thị Thanh T1, Bùi Văn T2, Bùi Thị L và Bùi Đức T3.

Về án phí: Ông Bùi Văn T là người cao tuổi nên miễn án phí.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tố tụng:

1.1. Xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường;
- Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn T;
- Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Bùi Văn T.
- Quyết định số 8074/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung.

Đây là quyết định hành chính, trong lĩnh vực đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, 116 Luật TTHC.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cần thiết xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện theo quy định tại Điều 6 Luật Tố tụng hành chính, bao gồm:

- + Quyết định về việc thu hồi đất.
- + Quyết định số 5553/QĐ-CCXP ngày 27/7/2017 về việc của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung.
- + Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Bùi Văn T.

Các yêu cầu khác nằm trong lý do yêu cầu hủy quyết định hành chính.

- Về người khởi kiện, quyền khởi kiện: Ông Bùi Văn T là người bị thu hồi đất và được giải quyết khiếu nại nên có quyền khởi kiện. Quá trình Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết vụ án, ngày 08/9/2023 ông Bùi Văn T chết. Do đó, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Văn T là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông/bà: Bùi Thị Thanh H, Bùi Thị Thanh T1, Bùi Văn T2, Bùi Thị L và Bùi Đức T3.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 04/7/2017 ông Bùi Văn T khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

1.3. Về điều kiện xét xử vắng mặt đương sự

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, bà Bùi Thị Thanh H, Bùi Thị Thanh T1, ông Bùi Văn T2, bà Bùi Thị L xin vắng mặt, các đương sự khác đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Xét quyết định hành chính bị khiếu kiện.

2.1. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

- Các Quyết định về việc thu hồi đất và Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của Ủy ban nhân dân quận B đối với hộ ông Bùi Văn T được ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định Điều 66, 83 Luật đất đai 2003, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân quận B bị khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng quy định về thẩm quyền, trình tự theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật giải quyết khiếu nại 2011.

2.2. Về nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện

* Đối với Quyết định về việc thu hồi đất.

Ngày 29/4/2005, Ủy ban nhân dân thành phố H có Quyết định số 2481/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Trường Đại học M1- Địa chất ra đường P.

Ngày 09/3/2007, Ủy ban nhân dân thành phố H có Quyết định số 889/QĐ-UBND về việc thu hồi 69.400m² đất tại các xã: X, Đ và C, huyện T; Giao cho Ban quản lý dự án huyện T để thực hiện dự án Xây dựng đường từ Trường Đại học M1- Địa chất ra đường P.

Ngày 21/6/2007, Ủy ban nhân dân huyện T có Thông báo số 221/TB-UBND về việc ngừng sản xuất, giữ nguyên hiện trạng và xây dựng mới công trình trên diện tích 69.400m² đất tại các xã: X, Cổ N và Đ để xây dựng đường từ Trường Đại học M1- Địa chất ra đường P.

Ngày 19/5/2014, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 574/QĐ-UBND, số 604/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thành lập Tổ công tác GPMB tiếp tục thực hiện dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1- Địa chất ra đường P.

Trên cơ sở Thông báo thu hồi đất; Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án; Giấy xác nhận về việc sử dụng, về các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, vị trí đất Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định thu hồi đất là đúng diện tích, vị trí, tài sản và loại đất bị thu hồi.

*** Đối với các Quyết định phê duyệt phương án, bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.**

Về phương án bồi thường, hỗ trợ của ông Bùi Văn T:

1. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Bùi Văn T bị thu hồi đất tại Dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1 địa chất ra đường P:

* Theo ông T trình bày: diện tích 38,5m² đất hộ gia đình đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1 địa chất ra đường P, có nguồn gốc là đất Bộ X2 giao cho Xí nghiệp X1 quản lý sử dụng từ năm 1982. Năm 1998, Xí nghiệp X3 (tiền thân là Xí nghiệp X1) có Quyết định số 06TC-HC-XN4 ngày 12/10/1998 thanh lý gian nhà số 35 dãy 12 diện tích 28,5m cho bà Phí Thị M (vợ ông T) với số tiền 559.860 đồng. Gia đình ông T đã quản lý, sử dụng ổn định không tranh chấp diện tích đất trên đến thời điểm giải phóng mặt bằng.

* Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và việc thanh lý nhà cho hộ ông T:

- Ngày 9/2/1982, Bộ trưởng Bộ X2 có Quyết định số 166/BXD-TCCB về việc chuyển địa điểm trụ sở Xí nghiệp X1 (tiền thân của Công ty Cổ phần X) từ sân bay N huyện S về đóng tại C, xã Đ, huyện T.

Ngày 03/3/1983, Trường T6 tiến hành bàn giao, phân chia ranh giới mặt bằng, nhà và các công trình phụ khu B2 Chèm, T, Hà Nội cho Xí nghiệp K và Xí nghiệp X1 không ghi diện tích.

- Ngày 18/2/1996, khi kê khai đất theo Chỉ thị số 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ, Xí nghiệp X3 (Xí nghiệp X1 trước đây, nay là Công ty cổ phần X) đã kê khai diện tích đất xí nghiệp quản lý sử dụng 8.000m².

Khu đất Công ty cổ phần X sử dụng là 8.000m^2 , trong đó có $5.297,22\text{m}^2$ khu tập thể đã thực hiện chuyển giao bán nhà theo định số 61-CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ, $1.017,48\text{m}^2$ sử dụng làm đường đi nội bộ cho các hộ dân được bán nhà theo Nghị định 61/CP, 185m^2 sử dụng làm nhà văn hóa và nhà trẻ, diện tích còn lại 1.500m^2 công ty lập dự án xây dựng Khu nhà ở liền kề để bán cho cán bộ công nhân viên. Dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố C địa điểm, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định nhu cầu sử dụng đất và được Sở Quy hoạch- Kiến trúc chấp thuận quy hoạch mặt bằng tổng thể.

- Ngày 20/6/1998, Công ty X có Quyết định số 572/Vp-CT2 về việc thanh lý 93 gian nhà cấp 4 thuộc khu tập thể gia đình cán bộ công nhân viên ở liền kề trụ sở của Xí nghiệp tại xã Đ, T, Hà Nội (Giá bán thanh lý là giá để thu hồi tiền vật tư, đầu tư cho sản xuất kinh doanh của đơn vị). Xí nghiệp X3 đã thành lập Hội đồng thanh lý và ra Quyết định thanh lý gian nhà ở cho các cán bộ công nhân viên, trong đó có bà Phí Thị M (vợ ông Bùi Văn T) được thanh lý gian nhà $28,5\text{m}^2$, với số tiền thanh lý là 559.860 đồng tại Quyết định số 06 TC-HC-XN4 ngày 12/10/1998. Theo báo cáo của Công ty Cổ phần X: do thời điểm thanh lý được thực hiện từ năm 1998, sau nhiều lần Công ty sáp nhập, chuyển giao thì hồ sơ đã bị thất lạc nên Công ty không còn lưu giữ được tài liệu về việc gia đình bà M- ông T nộp tiền thanh lý; về nguồn gốc hình thành khu tập thể trên là Nhà lán trại 2,8 thời điểm xây dựng khoảng năm 1983, nguồn kinh phí xây dựng là nguồn ngân sách nhà nước.

- Ngày 22/9/2007, Sở T7 có Quyết định số 932/QĐ-TNMTNĐ-B61 về việc tiếp nhận nhà thuộc sở hữu nhà nước do Công ty cổ phần X quản lý cho thuê sang Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tiếp tục quản lý. Theo đó, Công ty cổ phần X đã bàn giao 15 dãy nhà cấp 4 khu tập thể, tổng diện tích đất sử dụng là $5.297,22\text{m}^2$; số hộ sử dụng 159 hộ; số hộ được chuyển giao 149 hộ; số hộ có vướng mắc chưa chuyển giao là 10 hộ. (Trong số 149 hộ được chuyển giao không có hộ gia đình ông T, vợ là bà M).

Theo báo cáo của Công ty cổ phần X Vinaconex: Phần diện tích còn lại là: $8.000\text{m}^2 - 5.297,22\text{m}^2 = 2.702,78\text{m}^2$, trong đó:

+ $1.017,78\text{m}^2$ sử dụng làm đường đi nội bộ cho các hộ dân được bán nhà theo Nghị định 61/CP.

+ 185m^2 diện tích sử dụng làm nhà văn hóa và nhà trẻ.

+ 1500m^2 công ty lập dự án xây dựng Khu nhà ở liền kề để bán cho cán bộ công nhân viên.

- Ngày 02/11/2009, Ủy ban nhân dân thành phố H có Quyết định số 5627/QĐ-UBND về việc cho Công ty cổ phần Xây dựng số 2 - Vinaconex chuyển mục đích sử dụng 1.500m^2 đất tại xã Đ, huyện T sang xây dựng Khu nhà

ở liền kề để bán cho cán bộ công nhân viên của Công ty, trong đó: 592m² đất để xây dựng nhà ở liền kề theo quy hoạch đã được duyệt, 386m^{2p} đất để làm đường nội bộ, hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, 522m² đất nằm trong chỉ giới mở đường, thuê đất hàng năm để quản lý, sử dụng khi nhà nước thu hồi phải bàn giao theo quy định.

- Ngày 24/5/2010, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 2316/QĐ-UBND điều chỉnh diện tích sử dụng các loại đất tại Điều 1 Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, trong đó điều chỉnh đối với diện tích 522m², cụ thể: 522m² nằm trong chỉ giới mở đường, Công ty có trách nhiệm mở rộng đường, sau khi hoàn thành bàn giao cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định.

Như vậy, diện tích 522m² đất nằm trong chỉ giới mở đường (trong đó hộ gia đình ông T sử dụng 38,5m²) không còn là đất thuê hàng năm nữa, mà là giao đất không thu tiền sử dụng đất và chủ thể thực hiện mở rộng đường đối với diện tích 522m² (trong đó có diện tích hộ ông T sử dụng) là Công ty cổ phần X. Tuy nhiên, Công ty không thực hiện việc mở rộng đường, bàn giao cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định.

- Ngày 28/5/2015, Công ty cổ phần X có Văn bản số 218/2015/CV/CT2-TCHC gửi Sở Xây dựng về việc đề nghị tiếp tục chuyển giao căn hộ tập thể cho Sở Xây dựng quản lý, kèm theo danh sách căn hộ tập thể của 10 hộ trong số 10 hộ này cũng không có gia đình hộ ông T.

Theo báo cáo của Công ty cổ phần X V: Trong số các hộ gia đình được thanh lý nhà ở năm 1998, có 159 hộ gia đình đã được Công ty lập hồ sơ đề nghị chuyển giao cho Sở Tài nguyên Môi trường và Sở Xây dựng quản lý và bán nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ, còn lại 12 hộ gia đình chưa được lập hồ sơ chuyển giao với lý do diện tích nhà đất các hộ sử dụng nằm trong quy hoạch của Thành phố (trong đó có hộ gia đình ông T vợ là bà M). Trong số 12 hộ trên: có 08 hộ dân sử dụng đất không nằm trong chỉ giới mở đường nhưng nằm trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở liền kề để bán của công ty và 01 hộ dân nằm trong diện tích 522m² thuộc chỉ giới mở đường, không nằm trong phạm vi dự án của công ty (nhưng ảnh hưởng đến dự án của công ty) thì đã được công ty dùng phần lợi nhuận sau thuế của dự án để hỗ trợ tái định cư.

Vị trí đất gia đình ông Bùi Văn T đang sử dụng nằm trong chỉ giới mở đường.

* Hồ sơ địa chính thửa đất bị thu hồi tại Dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1 địa chất ra đường P:

Theo bản đồ địa chính đang lưu tại Ủy ban nhân dân phường Đ, vị trí đất ông T sử dụng thuộc:

+ Tờ bản đồ số 4B, thửa số 52, diện tích 8.000 m², tên người sử dụng sổ mục kê thể hiện không rõ; bản đồ đo đạc năm 1987.

+ Tờ bản đồ số 48, thửa số 8, diện tích 6.108 m², bản đồ đo đạc năm 1994 (kèm theo bản scan lại sổ mục kê gốc lưu tại phường Đ, nhưng không có mục kê của tờ bản đồ số 48).

2. Quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1 địa chất ra đường Phạm Văn Đồng đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T:

Ngày 26/3/2015, tổ công tác giải phóng mặt bằng có biên bản số 08/BB-TCT về việc điều tra hiện trạng đất đai, xác minh nội dung kê khai đất đai, tài sản gắn liền với đất trong chỉ giới giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T (ông T đã ký biên bản). Biên bản thể hiện:

+ Người đang sử dụng đất: Bùi Văn T

+ Chủ sở hữu nhà, tài sản trên đất: ông Bùi Văn T.

+ Địa chỉ GPMB: Tổ dân phố H, phường Đ

+ Diện tích đất thực tế sử dụng: 38,5m².

+ Diện tích đất bị thu hồi: 38,5m².

+ Tài sản trên đất: nhà xây tường gạch 110cm, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có công trình phụ khép kín, cao 3m, trần nhựa; tường xây gạch 110cm dài 2,7m cao 2,5m; trụ cổng xây gạch 40x40cm, cao 2,7m; 01 giếng khoan sâu 30m.

Ngày 21/5/2015, UBND phường Đ có Giấy xác nhận việc sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T:

+ Người sử dụng đất: Công ty CP X

+ Người sở hữu tài sản trên đất: Bùi Văn T (chồng bà Phí Thị M cán bộ công nhân viên công ty mất năm 2002).

+ Trường hợp thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở: Theo bản đồ năm 1994 lưu tại Ủy ban nhân dân phường: thuộc tờ bản đồ số 48, thửa số 08, diện tích 6.108m² (do bao cả diện tích đất khu tập thể); Tổng diện tích đất đang sử dụng: 38,5m² (nằm trong phần diện tích 522m² trong chỉ giới mở đường theo Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 02/11/2009); Diện tích bị thu hồi: 38,5m², trong đó diện tích đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất 38,5m², thời điểm sử dụng đất: Trước ngày 15/10/1993. Công trình xây dựng trước năm 1993, đến tháng 11 năm 2000 hộ tự sửa chữa, coi nói xây dựng (theo biên bản làm việc giữa Ủy ban nhân dân phường và Công ty cổ phần X Vinaconex ngày 14/3/2015).

Ngày 12/11/2015, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 5206/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T, nội dung phương án như sau:

- Chủ sử dụng đất: Công ty cổ phần X- Vinaconex;
- Chủ sở hữu tài sản: ông Bùi Văn T;
- Tổng diện tích đất thực tế đang sử dụng: 38,5m²;
- Tổng diện tích đất thu hồi: 38,5m²;
- Trong đó: Đất công ty X được giao quản lý 38,5m²;
- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 46.604.446 đồng, trong đó:
 - + Bồi thường, hỗ trợ về đất (đất tổ chức): không bồi thường, hỗ trợ
 - + Hỗ trợ công trình xây dựng: 43.604.446 đồng;
 - + Các khoản hỗ trợ khác: 3.000.000 đồng.

Ông Bùi Văn T chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và chưa bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1 ra đường P.

Như vậy: Diện tích 38,5m² đất hộ gia đình ông T sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1- Địa chất ra đường Phạm Văn Đ, có nguồn gốc là đất do tổ chức tự quản, quá trình sử dụng đất đã xây dựng nhà ở và thanh lý nhà cho cán bộ, công nhân viên ở, trong đó có hộ ông Bùi Văn T được Công ty T5 nhà tập thể năm 1998 và đã sử dụng ổn định, không tranh chấp đến thời điểm giải phóng mặt bằng thu hồi dự án.

3. Việc giải quyết của Ủy ban nhân dân quận B đối với đơn khiếu nại của ông Bùi Văn T:

Ông Bùi Văn T không đồng ý và khiếu nại Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1 địa chất ra đường P.

Ngày 18/7/2016, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 2952/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn T, nội dung quyết định có nêu:

“ * Đối với nội dung kiến nghị được bồi thường về đất: Diện tích đất đang sử dụng của ông Bùi Văn T nằm trong phần diện tích Nhà nước giao cho Công ty Cổ phần X- VINACONEX thuê đất hàng năm để quản lý sử dụng, khi Nhà nước thu hồi đất phải bàn giao. Việc Ủy ban nhân dân quận B không bồi thường về đất đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T là đúng quy định tại Điều 75, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Kiến nghị của ông Bùi Văn T về việc được bồi thường về đất là không có cơ sở.

* Đối với nội dung kiến nghị được giao đất tái định cư: Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, hộ gia đình ông Bùi Văn T không ăn ở tại nơi GPMB, không phải di chuyển chỗ ở. Ngoài ra, trên địa bàn phường Đ, ông Bùi Văn T còn nhà ở, đất ở khác đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 875 theo Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 29/12/2008. Do vậy, việc ông Bùi Văn T đề nghị được giao đất tái định cư là không có cơ sở. "

Ngày 19/10/2016, Ủy ban nhân dân quận B có Văn bản số 2909/UBND-BTGPMB gửi Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở T7, Sở T8, Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng Thành phố báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo về việc thực hiện công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường từ Trường Đại học M1- Địa chất ra đường P trên địa bàn quận B đối với 03 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng 114,1m² trong phạm vi thu hồi đất trong đó có hộ ông T (lý do có văn bản này là do Ủy ban nhân dân quận B không cập nhật chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 24/5/2010).

Từ những căn cứ trên xác định:

Diện tích đất hộ gia đình ông T sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1- Địa chất ra đường Phạm Văn Đ, có nguồn gốc là đất do tổ chức tự quản (Xí nghiệp X1 thuộc Công ty X, nay là Công ty Cổ phần X). Khoảng năm 1983, xí nghiệp xây dựng các dãy nhà tập thể để bố trí cho cán bộ, nhân viên ở, phục vụ hoạt động của đơn vị. Năm 1998, Công ty X có quyết định thanh lý các gian nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên công ty, trong đó có hộ ông Bùi Văn T được thanh lý 28,5 m² nhà với số tiền thanh lý là 559.860 đồng; Gia đình ông Bùi Văn T đã sử dụng ổn định, không tranh chấp đến thời điểm giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Trong số các hộ gia đình được 482 thanh lý nhà ở năm 1998, có 159 hộ gia đình đã được Công ty lập hồ sơ đề nghị chuyển giao cho Sở Tài nguyên Môi trường và Sở Xây dựng quản lý và bán nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ, còn lại 12 hộ gia đình chưa được lập hồ sơ chuyển giao với lý do diện tích nhà đất các hộ sử dụng nằm trong quy hoạch của Thành phố, trong đó có hộ gia đình ông T có diện tích nhà đất nằm trong chỉ giới mở đường dự án xây dựng đường từ Trường Đại học M1- Địa chất ra đường P. Để đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông T tương tự như những trường hợp được Công ty T5, đã được chuyển giao cho cơ quan chức năng quản lý và bán nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ, khi Nhà nước thu hồi đất, hộ gia đình ông T phải được xem xét, xử lý bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Bùi Văn T như các hộ đã được mua nhà theo Nghị định 61/CP được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng phải khấu trừ nghĩa vụ tài chính tiền sử dụng đất (khi mua nhà theo Nghị định 61/CP).

Việc Ủy ban nhân dân quận B căn cứ Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 02/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố để giải quyết khiếu nại là không chính xác vì Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 24/5/2010 điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày

02/11/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, từ đó không bồi thường về đất đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T là không đúng. Khiếu nại của công dân đề nghị xem xét bồi thường, hỗ trợ theo quy định là có cơ sở.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, hộ gia đình ông Bùi Văn T không ăn ở tại nơi giải phóng mặt bằng, không phải di chuyển chỗ ở. Ngoài ra, trên địa bàn phường Đ, ông Bùi Văn T còn nhà ở, đất ở khác đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 875 theo Quyết định số 6621/QĐ-UBND ngày 29/12/2008. Do vậy, việc ông Bùi Văn T đề nghị được giao đất tái định cư là không có cơ sở.

Trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T ở tổ dân phố số H, phường Đ, quận B, giao Ủy ban nhân dân quận B lập, thẩm định, phê duyệt (điều chỉnh bổ sung) phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Bùi Văn T.

- Ngày 27/7/2017, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 5553/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ điều chỉnh bổ sung tổng số tiền bồi thường hỗ trợ sau bổ sung là 365.690.446 đồng.

- Ngày 26/10/2017, Ủy ban nhân dân quận B có Quyết định số 8074/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Bùi Văn T, tại quyết định đã phê duyệt bồi thường về đất cho ông Bùi Văn T diện tích 28,5m² không bồi thường diện tích 10m² do công ty Cổ phần X quản lý, không bồi thường tái định cư. Quyết định này thay thế quyết định số 5553/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của UBND quận B.

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Bùi Văn T là có căn cứ. Ông Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định trên là không có cơ sở chấp nhận.

Các quyết định giải quyết khiếu nại đã chỉ ra để khắc phục những thiếu sót của Quyết định phê duyệt phương án bồi thường ban đầu, Ủy ban nhân dân quận B đã ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Bùi Văn T, đảm bảo quyền lợi của người có tài sản bị thu hồi là đúng pháp luật.

Từ những phân tích đánh giá trên nhận thấy: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T (đã chết), những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông/bà: Bùi Thị Thanh H, Bùi Thị Thanh T1, Bùi Văn T2, Bùi Thị L và Bùi Đức T3.

Về án phí: ông Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 43 số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/ NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T (đã chết), những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm các ông/bà: Bùi Thị Thanh H, Bùi Thị Thanh T1, Bùi Văn T2, Bùi Thị L và Bùi Đức T3- yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 5206/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường;

- Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn T;

- Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Bùi Văn T.

- Quyết định số 8074/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 Ủy ban nhân dân quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung.

Và các quyết định hành chính liên quan khác.

2. Về án phí: ông Bùi Văn T được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả ông Bùi Văn T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009681 ngày 09/10/2017 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Các đương sự ;
- VKSND TP Hà Nội ;
- Cục thi hành án Hà Nội ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu.*

Phương Thảo